TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-ST
Ngày: 14-3-2025
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng;

2. Ông Nguyễn Nhơn Vinh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gò Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 428/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Anh Trần Minh T, sinh năm: 1986;
Địa chỉ: E ấp H, xã A, thành phố T, tỉnh Long An. (Có mặt)

2/ *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Diệp P, sinh năm 1978;
Địa chỉ: khu phố T, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978;
Địa chỉ: ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh Long An; (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn Trần Minh T trình bày*:

Ngày 11/10/2022, anh và chị Nguyễn Thị Diệp P có ký kết Hợp đồng vay tiền. Theo nội dung ký kết, anh đồng ý cho chị P vay số tiền là 70.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng. Việc vay tiền được lập thành văn bản được Văn phòng C. Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 11/10/2022 đến ngày 11/10/2023. Sau đó anh đã giao cho chị P đủ số tiền 70.000.000 đồng. Chị P giao cho anh sổ bảo hiểm để làm

tin.

Tuy nhiên, từ thời điểm vay đến nay mặc dù đã hết thời hạn vay, nhưng chị P không thực hiện đúng như nội dung đã thỏa thuận với anh, cụ thể chị P không trả tiền vay gốc và lãi suất cho anh mặc dù thời gian vay đã lâu và anh đã gặp trực tiếp nhắc nhở nhiều lần.

Tại phiên toà: Anh T tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị P trả số tiền 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả trong thời gian 06 tháng tính từ ngày xét xử, đến ngày 14/9/2025 là hoàn tất nợ.

Anh tự nguyện trả lại sổ bảo hiểm cho chị P cùng lúc chị P thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà bị đơn chị Nguyễn Thị Diệp P trình bày:*

Ngày 11/10/2022 chị có vay của anh T số tiền 70.000.000 đồng, lãi 7%/tháng nhưng trong hợp đồng ghi 1,5%/tháng. Chị thế chấp sổ bảo hiểm xã hội của chị cho anh T để làm tin. Chị đóng lãi 04 tháng, mỗi tháng 4.900.000 đồng với số tiền là 19.600.000 đồng. Sau đó không đóng lãi cho anh T nửa do hoàn cảnh khó khăn.

Mỗi lần trả tiền lãi thì chị đưa cho chị Nguyễn Thị N là chị của anh T (làm chung công ty với chị) về đưa cho anh T. Trong quá trình vay chị có trả được số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc, số tiền 30.000.000 đồng này chị cũng nhờ chị N đem về cho anh T. Nên chị chỉ còn nợ số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Chị đồng ý trả 20.000.000 đồng vào tháng 4/2025, còn 20.000.000 đồng thì khi nào chị lãnh được tiền bảo hiểm sẽ trả. Việc chị nhờ chị N đem tiền về cho anh T không có ai làm chứng cũng không có viết giấy tờ gì chứng minh.

Khi chị nghỉ làm thì công ty có yêu cầu chị nộp sổ bảo hiểm vào để lấy tiền bảo hiểm thất nghiệp, chị liên hệ anh T nhưng anh T không đưa sổ cho chị dẫn đến việc chị bị mất 50.000.000 đồng tiền bảo hiểm thất nghiệp – phần này chị sẽ khởi kiện bằng vụ án khác, trong vụ án này không có yêu cầu.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Anh T là em chồng của chị còn chị P là bạn làm cùng công ty. Trước đó thì chị có giới thiệu cho anh T và chị P biết nhau, sau đó hai người họ cho vay mượn tiền như thế nào chị không rõ.

Chị có nhận tiền của chị P 03 lần, mỗi lần bao nhiêu chị không nhớ rõ nhưng chị nhớ là ít hơn 3.000.000 đồng, chị P nhờ gửi dùm anh T nói là tiền lãi. Thời gian nhận tiền chị không nhớ. Có một lần thì chị P gửi chị tiền, nói là trả tiền gốc khoảng 10.000.000 đồng, chị P nói là đã điện thoại cho anh T rồi nên chị cầm tiền về đưa cho anh T. Chị nhận tiền từ chị P sau đó giao lại cho anh T. Chị không có làm giấy tờ gì. Nay chị anh T nói không nhận tiền thì chị cũng không biết làm sao, chỉ xin anh T giảm lại cho chị P 10.000.000 đồng tiền gốc, xin chị P có nợ thì trả cho anh T, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại phường L, thành phố G nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Anh T khởi kiện yêu cầu chị P phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền nợ vay là 70.000.000 đồng. Nguyên đơn có cung cấp hợp đồng vay tiền ngày 11/10/2022 được lập tại Văn phòng C. Bị đơn chị P thừa nhận có vay của anh T 70.000.000 đồng nhưng đã trả 30.000.000 đồng, còn nợ 40.000.000 đồng, chị đồng ý trả 20.000.000 đồng vào tháng 4/2025, còn 20.000.000 đồng khi nào nhận được tiền bảo hiểm thất nghiệp chị sẽ trả. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên toà, nguyên đơn tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 60.000.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, đã được các bên đương sự thừa nhận, thể hiện qua hợp đồng cho vay tiền ngày 11/10/2022 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Trong hợp đồng thể hiện vào ngày 11/10/2022 chị P có vay của anh T số tiền là 70.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1.5%/tháng.

Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn 70.000.000 đồng và cho rằng đã trả cho nguyên đơn 30.000.000 đồng tiền gốc cùng 04 tháng tiền lãi với lãi suất 7%/tháng với số tiền là 19.600.000 đồng thông qua chị Nguyễn Thị N nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và chị P cũng không có chứng cứ gì chứng minh vì vậy lời trình bày của chị P là không có cơ sở.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 60.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Trong vụ án này chị P không có yêu cầu giải quyết đối với số tiền đã đưa cho chị N nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với việc anh T, chị P chị tự nguyện giao nhận sổ bảo hiểm để vay tiền xảy ra thiệt hại thì đương sự được quyền khởi kiện vụ án khác để yêu cầu toà án giải quyết nếu có tranh chấp.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất, mặc dù tại đơn khởi kiện anh T có yêu cầu bị đơn trả lãi với số tiền là 27.300.000 đồng nhưng tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền 27.300.000 đồng.

[3.3] Xét thấy số tiền trên chị P vay đã lâu, khi vay có quy định thời gian trả vốn nhưng chị đã không trả tiền cho anh T đúng thoả thuận, đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Tại phiên toà anh T yêu cầu chị P trả số tiền 60.000.000 đồng trong thời gian 06 tháng tính từ ngày xét xử là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của anh T là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc trả lại bản chính sổ bảo hiểm cho chị P, thời gian cùng lúc khi chị P thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh T.

Buộc chị Nguyễn Thị Diệp P có nghĩa vụ trả cho anh Trần Minh T số tiền 60.000.000 đồng, thời gian thực hiện đến ngày 14/9/2025 là hoàn tất nợ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất với số tiền 27.300.000 đồng.

3. Về án phí:

- Bị đơn phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho anh Trần Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.430.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001231 ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TPGC;
- Chi cục THADS TPGC;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Thảo